

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 7 - 2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Có

2. Bà Võ Thị Bời

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Giới Mạnh Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 585/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST ngày 24/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S

Địa chỉ: Đường X, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông Lý Hải D

Địa chỉ: Đường X, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà và ông Lý Hải D kết hôn năm 1987 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Trong thời gian chung sống bà và ông D xảy ra nhiều mâu thuẫn, do không cùng quan điểm sống. Lý do chồng bà ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác; cũng như ông nhiều lần đánh đập bà. Mâu thuẫn vợ chồng cứ thế ngày càng tăng và không thể hòa giải. Đến thời điểm hiện nay, chồng bà vẫn còn vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Bà nhận thấy

hôn nhân của bà và ông D là không còn. Vì vậy, bà làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D có 02 con chung, một người đã chết, còn một người con đã thành niên, nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lý Hải D đã được Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vẫn vắng mặt.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã đề nghị xét xử vắng mặt, nên việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai nên, Tòa án xét xử vắng mặt là có căn cứ. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, căn cứ Điều 56, của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Lý Hải D; về tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu nên không xét. Tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị S khởi kiện ông Lý Hải D cư trú tại xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa về việc “Ly hôn” là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Bị đơn ông Lý Hải D vắng đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Bà Nguyễn Thị S và ông Lý Hải D kết hôn năm 1987 trên cơ sở tự nguyện, và đã được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 08/01/1987. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà S và ông D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông D đã có hành vi bạo lực với bà S (BL 02). Tại các biên bản hòa giải, và tại phiên tòa bà S đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D vì bà không thể tiếp tục sống chung với ông D.

[2.2] Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Nhưng giữa bà S và ông D đã không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau giữ gìn hạnh phúc gia đình. Bị đơn ông Lý Hải D, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D. Tuy nhiên ông D đã không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Điều này cho thấy ông D không quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

[2.3] Do vậy, có thể khẳng định hôn nhân giữa bà S và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị S đối với ông Lý Hải D là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Con của bà Nguyễn Thị S và ông Lý Hải D đã thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông Lý Hải D vắng mặt, nên tách ra bằng một vụ án dân sự khác, nếu sau này ông D có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S đối với bị đơn ông Lý Hải D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn ông Lý Hải D.

1.2. Về con chung: Con chung đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Lý Hải D vắng mặt, nên tách ra bằng một vụ án dân sự khác, nếu sau này ông D có yêu cầu.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng, án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lại thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000247 ngày 06/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà S đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA dân sự TP.Nha Trang;
- UBND xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (số 01, ngày 08/01/1987);
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thanh Tùng